

Bản án số: 1003/2017/DS-PT

Ngày: 09/11/2017

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Liên

Các Thẩm phán:

Ông Dương Tuấn Vinh

Bà Trần Thị Quỳnh Châu

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Đình Quyện – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Phạm Hoàng Lâm – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 11 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 427/2017/TLPT- DS ngày 25 tháng 9 năm 2017 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

Do bản án dân sự sơ thẩm số 1719/2017/DS-ST ngày 17/8/2017 của Tòa án nhân dân Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 2331/2017/QĐ – PT ngày 19/10/2017 giữa các đương sự;

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1953

Địa chỉ: 294/48 X, phường HM, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

- Bị đơn:

1/ Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1970

2/ Ông Nguyễn Thành T, sinh năm 1970

Cùng địa chỉ: 32/2 BĐ, phường HB2, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Tấn Trí N1, sinh năm 1969

Địa chỉ: 251/45 L, phường B3, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (giấy ủy quyền lập ngày 20/3/2017 và 20/4/2017) (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 06/3/2017 và đơn bổ sung yêu cầu khởi kiện ngày 16/6/2017 của nguyên đơn Bà Nguyễn Thị H trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa như sau:

Vợ chồng Ông Nguyễn Thành T, Bà Nguyễn Thị N có vay mượn bà H các lần tiền như sau:

Ngày 01 tháng 4 năm 2015 Ông Nguyễn Thành T mượn bà số tiền 150.000.000 đồng, lãi suất 4%/tháng (giấy mượn tiền ngày 01/4/2015), tiền lãi, tiền lãi tạm tính từ ngày 02/5/2015 đến 17/8/2017 là 27 tháng 15 ngày: $(27 \text{ tháng} \times 150.000.000 \text{ đồng} \times 0,75\%) + (15 \text{ ngày}/30 \text{ ngày} \times 150.000.000 \text{ đồng} \times 0,75\%) = 30.937.500 \text{ đồng}$.

Ngày 15 tháng 6 năm 2015 Ông Nguyễn Thành T, Bà Nguyễn Thị N vay số tiền 500.000.000 đồng, lãi suất 3 %/tháng, thời gian trả tiền 01 năm kể từ ngày ký (giấy vay tiền ngày 15/6/2015), tiền lãi tạm tính từ ngày 16/7/2015 đến 17/8/2017 là 25 tháng 01 ngày: $(25 \text{ tháng} \times 500.000.000 \text{ đồng} \times 0,75\%) + (01 \text{ ngày}/30 \text{ ngày} \times 500.000.000 \text{ đồng} \times 0,75\%) = 93.875.000 \text{ đồng}$.

Ngày 01 tháng 9 năm 2015 Bà Nguyễn Thị N mượn bà số tiền 400.000.000 đồng, lãi suất 4%/tháng thời gian trả tiền 01 năm kể từ ngày ký (giấy mượn tiền ngày 01/9/2015), tiền lãi tạm tính từ ngày 02/10/2015 đến ngày 17/8/2017 là 22 tháng 15 ngày: $(22 \text{ tháng} \times 400.000.000 \text{ đồng} \times 0,75\%) + (15 \text{ ngày}/30 \text{ ngày} \times 400.000.000 \text{ đồng} \times 0,75\%) = 67.500.000 \text{ đồng}$.

Ngày 01 tháng 10 năm 2015 Ông Nguyễn Thành T, Bà Nguyễn Thị N vay bà số tiền 2.300.000.000 đồng, với thỏa thuận 1.000.000.000 đồng không tính lãi, chỉ tính lãi 1.300.000.000 đồng với lãi suất 2%/tháng, thời gian trả tiền 01 năm kể từ ngày ký (giấy mượn tiền ngày 01/10/2015), tiền lãi tính từ ngày 02/11/2015 đến 17/8/2017 là 21 tháng 15 ngày: $(21 \text{ tháng} \times 1.300.000.000 \text{ đồng} \times 0,75\%) + (15 \text{ ngày}/30 \text{ ngày} \times 1.300.000.000 \text{ đồng} \times 0,75\%) = 209.625.000 \text{ đồng}$.

Vì vậy bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông T, bà N phải trả cho bà số tiền như sau: tiền gốc 3.350.000.000 đồng, tiền lãi tạm tính là: 401.937.500 đồng. Tổng cộng là: 3.751.937.500 đồng.

Về thời hạn thanh toán: Số tiền này trả làm một lần ngay sau khi bản án quyết định có hiệu lực pháp luật và số tiền lãi tính theo lãi suất ngân hàng nhà nước quy định 9%/năm (0,75%/tháng) cho đến khi thanh toán xong tiền nợ gốc.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn Ông Trần Tấn Trí N1 trình bày:

Ngày 24/02/2017 ông T, bà N có ký giấy mượn tiền với nội dung có mượn Bà Nguyễn Thị H số tiền 3.350.000.000 đồng. Tuy nhiên ông T, bà N cho rằng số tiền mà ông bà mượn của bà H thực tế chỉ là 2.350.000.000 đồng, riêng số tiền 1.000.000.000 đồng còn lại là liên quan đến các dây hụi của bà N, bà H vẫn đang tiến hành tham gia vào các phần hụi nêu trên cho đến tháng 3/2017. Do đó, việc bà H cộng khoản tiền 1.000.000.000 đồng là tiền hụi đang hoạt động để khởi kiện là không đúng, vì các khoản hụi này chưa chấm dứt và vẫn đang hoạt động. Đồng thời, theo nội dung giấy mượn tiền ngày 24/02/2017 thì việc mượn tiền không có thời hạn trả nợ, nên không thể cho rằng ông T, bà N đã vi phạm thời hạn vay để bà H khởi kiện.

Vì vậy, ông Nhân đề nghị xem xét đối với số tiền 2.350.000.000 đồng mà ông T, bà N đã xác nhận có vay của bà H, không chấp nhận yêu cầu của bà H đòi bà N ông T trả 3.350.000.000 đồng, đối với số tiền lãi theo các khoản nợ vay mà bà H yêu cầu khởi kiện bổ sung 359.625.000 đồng, đề nghị Tòa án nhân dân Quận B chỉ tính lãi 9%/năm (0,75%/tháng) đối với số tiền 2.350.000.000 đồng.

Tại phiên tòa, bà H xác định khởi kiện ông T, bà N theo các giấy vay mượn tiền ngày 01 tháng 4 năm 2015; ngày 15 tháng 6 năm 2015; ngày 01 tháng 9 năm 2015; ngày 01 tháng 10 năm 2015, đối với giấy mượn tiền ngày 24/02/2017 chỉ là ông T, bà N tái ký xác nhận có mượn bà số tiền 3.350.000.000 đồng.

Bà H tiếp tục yêu cầu Tòa án duy trì áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 24/2017/QĐ – BPKCTT ngày 13/6/2017 của Tòa án nhân dân Quận B về việc “Phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ, tài sản là nhà đất số 32/2 B, phường HB2, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số GCN: CH01284 ngày 18/7/2013 của Ủy ban nhân dân Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho Bà Nguyễn Thị N” để đảm bảo thi hành án.

Bản án sơ thẩm đã tuyên:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Bà Nguyễn Thị H:

Buộc bị đơn Ông Nguyễn Thành T, Bà Nguyễn Thị N có nghĩa vụ trả cho Bà Nguyễn Thị H số tiền 3.751.937.500 đồng (trong đó tiền nợ gốc: 3.350.000.000 đồng, tiền lãi 401.937.500 đồng).

Tiếp tục duy trì áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 24/2017/QĐ – BPKCTT ngày 13/6/2017 của Tòa án nhân dân Quận B về việc “Phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ, tài sản là nhà đất số 32/2 B, phường HB2, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số GCN: CH01284 ngày 18/7/2013 của Ủy ban nhân dân Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho Bà Nguyễn Thị N” để đảm bảo thi hành án.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về tiền lãi chậm thi hành án, án phí và quyền kháng cáo, quyền và nghĩa vụ thi hành án của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 31/8/2017 bị đơn Ông Nguyễn Thành T và Bà Nguyễn Thị N nộp đơn kháng cáo một phần bản án dân sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện cho bị đơn kháng cáo đối với phần nợ gốc 1.000.000.000 đồng không tính lãi trong giấy nợ tổng 2.300.000.000 đồng đề chỉ chấp nhận nợ gốc là 2.350.000.000 đồng và tiền lãi như sơ thẩm đã tính, vì thực chất số tiền 1.000.000.000 đồng là nợ hui chưa đến hạn tại thời điểm nguyên đơn khởi kiện đòi nợ thì 1.000.000.000 đồng tiền hui này chưa đến hạn trả.

Wau diep Viep Kiem sat nhah dah Thanh phogHofChs Minh nhajp xet Chu toatwa-Hoj wofig xet xl , w zng sl uwa {thl u hiejp wung cac qui wanh cua Boj luaļ Togung dah sl u

Vefnoj dung: Đề nghị hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn Ông Nguyễn Thành T, Bà Nguyễn Thị N, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn Ông Nguyễn Thành T và Bà Nguyễn Thị N, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Xét kháng cáo của bị đơn cho rằng số tiền 1.000.000.000 đồng trong giấy nhận nợ tổng 2.300.000.000 đồng lập ngày 01/10/2015 thì khoản 1.000.000.000 đồng ghi không tính lãi là nợ hui chưa đến hạn trả mà nguyên đơn lại đòi nên bị đơn không đồng ý trả khoản này, riêng khoản nợ gốc còn lại là 2.350.000.000 đồng và nợ lãi mà cấp sơ thẩm đã tính tổng 401.937.500 đồng là đúng nên bị đơn chấp nhận trả và không kháng cáo phần này, nên Hội đồng xét xử giữ nguyên phần nội dung này, riêng kháng cáo phần nợ gốc 1.000.000.000 đồng như bị đơn trình bày, thì xét tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay cũng như sơ thẩm trước đây bị đơn vẫn không có chứng cứ chứng minh đó là khoản nợ hui, vì sổ hui mà bị đơn nêu có nội dung không phù hợp và không được phía nguyên đơn thừa nhận trong khi bị đơn đã ký giấy xác nhận nợ ngày 24/02/2017 tổng 3.350.000.000 đồng nên Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo này của bị đơn như lời đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tại phiên tòa phúc thẩm nên Hội đồng xét xử quyết định không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn Ông Nguyễn Thành T, Bà Nguyễn Thị N, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

Án phí dân sự phúc thẩm ông T, bà N phải chịu theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Khoản 1 Điều 148, Khoản 1 Điều 308, Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 357 và 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016;

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Ông Nguyễn Thành T, Bà Nguyễn Thị N, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm và Quyết định sửa chữa bổ sung số 270/QĐ – SCBSBA ngày 30/10/2017.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Bà Nguyễn Thị H:

Buộc bị đơn Ông Nguyễn Thành T, Bà Nguyễn Thị N có nghĩa vụ trả cho Bà Nguyễn Thị H số tiền 3.751.937.500 đồng (trong đó tiền nợ gốc: 3.350.000.000 đồng, tiền lãi 401.937.500 đồng).

Về thời hạn thanh toán: Ông Nguyễn Thành T, Bà Nguyễn Thị N có nghĩa vụ thanh toán dứt điểm số tiền cho Bà Nguyễn Thị H làm một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Tiếp tục duy trì áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 24/2017/QĐ – BPKCTT ngày 13/6/2017 của Tòa án nhân dân Quận B về việc “Phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ, tài sản là nhà đất số 32/2 B, phường HB2, Quận B,

Thành phố Hồ Chí Minh theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số GCN: CH01284 ngày 18/7/2013 của Ủy ban nhân dân Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho Bà Nguyễn Thị N” để đảm bảo thi hành án.

Kể từ khi bà H có đơn yêu cầu thi hành án, nếu Ông Nguyễn Thành T, Bà Nguyễn Thị N chưa trả số tiền nêu trên thì hàng tháng ông T, bà N còn phải trả lãi cho bà H theo mức lãi suất theo quy định tại Điều 357, 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Thành T, Bà Nguyễn Thị N phải chịu 107.038.750 đồng (Một trăm lẻ bảy triệu không trăm ba mươi tám nghìn bảy trăm năm mươi đồng).

Hoàn lại cho Bà Nguyễn Thị H số tiền tạm ứng án phí 49.500.000 đồng (Bốn mươi chín triệu năm trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số AA/2014/0009867 ngày 03 tháng 3 năm 2017 và số tiền 7.192.500 đồng (Bảy triệu một trăm chín mươi hai ngàn năm trăm đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng số AA/2017/0002382 ngày 04/7/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Thành T và Bà Nguyễn Thị N mỗi người phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) được căn trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo các biên lai thu tiền số AA/2017/0002924 ngày 18/9/2017 và AA/2017/0002923 ngày 18/9/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh, ông T, bà N đã nộp đủ án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDTC;
- TAND Cấp cao tại TP.Hồ Chí Minh;
- VKSND Cấp cao tại TP.Hồ Chí Minh;
- VKSND TP.HCM;
- TAND Quận B;
- Chi cục THADS Quận B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ. (20)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Thị Liên

